

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát nhiễm mặn làm vật liệu san lấp tại phường Hải Châu và phường Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
(Trữ lượng tính đến ngày 22 tháng 6 năm 2020)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn; Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và các mỏ đất san lấp;

Căn cứ Quyết định số 5368/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Giấy phép số 65/GP-UBND ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh cho phép Công ty cổ phần Khai thác hạ tầng Thanh Hóa được thăm dò khoáng sản cát nhiễm mặn làm vật liệu san lấp tại phường Hải Châu và phường Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 26/6/2020 (kèm theo hồ sơ) của Công ty cổ phần Khai thác hạ tầng Thanh Hóa;

Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò tại phiên họp ngày 23/7/2020 và hồ sơ chỉnh sửa của đơn vị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại tờ trình số 785/TTr-STNMT ngày 18/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát nhiễm mặn làm vật liệu san lấp tại phường Hải Châu và phường Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Vị trí, diện tích:

Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 87.771,8 m² (diện tích thuộc phường Hải Châu là 51.734,7 m²; diện tích thuộc phường Hải Ninh là 36.037,1 m²), được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 10 có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối tính trữ lượng kèm theo.

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát nhiễm mặn làm vật liệu san lấp đã tính trong báo cáo;

- Trữ lượng địa chất cấp 122: 889.143 m³.
- Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác: 864.501 m³.

3. Các khoáng sản đi kèm: Không

4. Mức sâu và các khối trữ lượng phê duyệt: Như Phụ lục số 02 kèm theo.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản cát nhiễm mặn làm vật liệu san lấp của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Văn phòng Bộ TN&MT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty CP KHTT Thanh Hóa;
- TT Thông tin lưu trữ địa chất;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Quyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Phụ lục số 01

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỪ LƯỢNG KHOÁNG SẢN
CÁT NHIỄM MẶN LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP TẠI PHƯỜNG HẢI CHÂU VÀ
PHƯỜNG HẢI NINH, THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

(Phụ lục kèm theo Quyết định phê duyệt trừ lượng số: /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Diện tích	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0)	
		X (m)	Y (m)
87.771,8 m ²	1	2166 027.00	584 538.00
	2	2165 852.00	584 584.00
	3	2165 776.16	584 624.00
	4	2165 506.89	584 849.81
	5	2165 336.83	585 145.67
	6	2165 346.00	585 075.00
	7	2165 438.00	584 819.00
	8	2165 608.00	584 585.00
	9	2165 811.68	584 471.92
	10	2166 001.22	584 449.30

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Phụ lục số 02

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN CÁT NHIỄM MẶN LÀM VẬT
LIỆU SAN LẤP TẠI PHƯỜNG HẢI CHÂU VÀ PHƯỜNG HẢI NINH,
THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

(Phụ lục kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất các khối trữ lượng (m)	Trữ lượng(m ³)	Ghi chú
1	KI-122	-12,0	199.584	
2	KII-122	-12,0	242.213	
3	KIII-122	-12,0	234.252	
4	KIV-122	-12,0	1752.078	
5	KV-122	-12,0	8.773	
Trữ lượng địa chất			856.900	
Trữ lượng bồi lắng			32.243	
Tổng trữ lượng địa chất cấp 122			889.143	